

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/ DSST

Ngày 16-3-2023

V/v Tranh chấp

Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST - DS ngày 03/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2023/ QĐST- DS ngày 23/02/2023 của Toà án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T có mặt tại phiên tòa;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi

Bà K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Vào ngày 27/10/2017 bà Nguyễn Thị K có đến mua của ông Thế số vàng tổng cộng là 7 chỉ 568 (trong đó có 4 chỉ vàng 9999, 3 chỉ 568 vàng 98%), trị giá tiền là 28.044.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), vì chưa có tiền trả nên bà K có ký giấy xác nhận đã nhận đủ hàng và hẹn sẽ trả tiền cho ông Thế trước ngày 28/11/2017.

Vì chưa có tiền trả nợ như đã hứa tại giấy viết ngày 27/10/2017 nên đến ngày 27/11/2017 bà K đã viết giấy nhận có nợ của ông T số vàng hơn 7 chỉ trị giá số tiền

là 28.044.000đồng, bà K hẹn 5 ngày tới sẽ trả đủ cho ông T, nhưng đến nay bà K vẫn chưa trả tiền cho ông Thế.

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho ông số vàng là 4 chỉ vàng 9999 và 3 chỉ 568 vàng 98% trị giá 40.430.000đồng.

Tại phiên tòa ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 28.044.000đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả tiền lãi.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã giao các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị K đã nhận các văn bản tố tụng, nhưng bà Nguyễn Thị K không có văn bản trình bày ý kiến của bà đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị K vắng mặt không có lý do khi được triệu tập làm việc và phiên họp, vì vậy không có lời trình bày của bà K và không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Xác định lại đây là vụ án “Tranh chấp đòi lại tài sản”; Bị đơn cư trú tại Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị K nhưng bà Nguyễn Thị K không thực hiện.

Tại phiên tòa ngày 23/02/2023, bà Nguyễn Thị K vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 16/3/2023, bà Nguyễn Thị K vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị K.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Hữu T cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy nhận hàng” ngày 27/10/2017 và giấy hẹn nợ ghi ngày 27/11/2017 có tên người viết và ký giấy nhận hàng, giấy hẹn nợ là Nguyễn Thị K. Ông Nguyễn Hữu T cũng đã thực hiện việc gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà Nguyễn Thị K qua đường bưu chính, bà Nguyễn Thị K đã ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ở, Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bà Nguyễn Thị K và tại Tòa án, nhưng bà Nguyễn Thị K không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Hữu T yêu cầu bà K trả số vàng là 4 chỉ vàng 9999 và 3 chỉ 568 vàng 98% trị giá 40.430.000đồng.

Tại phiên tòa ông Thế ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ lại là 28.044.000đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), ông

không yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả tiền lãi, việc ông T thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện, nên được chấp nhận.

“Giấy nhận hàng” và giấy hẹn nợ có tên người viết và ký giấy hẹn nợ là bà Nguyễn Thị K hẹn ngày 28/11/2017 trả hết nợ và sau đó hẹn 5 ngày sau ngày 27/11/2017 sẽ trả nợ, nhưng quá hạn mà bà Nguyễn Thị K vẫn chưa trả hết nợ nên ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu bà K phải có nghĩa vụ trả số tiền 28.044.000đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) còn nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu bà Kiều phải trả tiền lãi do chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Hữu T thuộc trường hợp người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 155, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu T, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị K phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền là 28.044.000đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.402.000đồng (Một triệu bốn trăm lẻ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Bình